



# YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI: GÓC NHÌN TỪ HỒI QUY PHÂN VỊ

VŨ TRỌNG HIẾN, NGUYỄN THỊ KIỀU ANH, TRƯƠNG CÔNG HẬU

*Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của nền kinh tế nói chung và của các ngân hàng thương mại Việt Nam nói riêng. Xuất phát từ thực tế trên, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam thông qua góc nhìn từ hồi quy phân vị – một cách tiếp cận khác so với các nghiên cứu trước đây. Nghiên cứu thực hiện trên mẫu quan sát 30 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2010 -2019. Kết quả cho thấy lãi suất tái cấp vốn, vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn và tổng cho vay/tổng tài sản tác động đến hiệu quả hoạt động của bất kỳ nhóm ngân hàng thương mại nào. Tuy nhiên, quy mô ngân hàng, tổng tiền gửi/tổng tài sản và tốc độ tăng trưởng kinh tế thực chỉ tác động đến hiệu quả hoạt động của nhóm ngân hàng thương mại có khả năng sinh lợi cao.*

Từ khóa: Hiệu quả hoạt động, hồi quy phân vị, ngân hàng thương mại

## FACTORS AFFECTING THE PERFORMANCE OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS: PERSPECTIVES FROM PERCENTILE REGRESSION

Vu Trong Hien, Nguyen Thi Kieu Nga, Truong Cong Hau

*The COVID-19 pandemic has significantly affected the economy and commercial banks in Vietnam. Stemming from the above fact, the authors studied the factors affecting the performance of Vietnamese commercial banks through the perspective of percentile regression - a different approach compared to previous studies. The study was conducted on an observational sample of 30 Vietnamese commercial banks in the period 2010 -2019. The results show that refinancing interest rates, equity/total capital and total loans/total assets have effect on the performance of any group of commercial banks. However, bank size, total deposits/total assets, and real economic growth only affect the performance of highly profitable commercial banks.*

Keywords: Performance, percentile regression, commercial banks

Ngày nhận bài: 21/6/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 5/7/2022

Ngày duyệt đăng: 12/7/2022

## Giới thiệu

Trong giai đoạn vừa qua, nền kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam nói

riêng chịu nhiều ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế, bởi chính yếu tố nội tại của các ngân hàng thương mại, cũng như bởi “hiệu ứng bậc hai” từ chất lượng tín dụng suy giảm của các khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Vì vậy, cần nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu này khác với các nghiên cứu trước đây khi thực hiện hồi quy phân vị để nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động trong từng nhóm ngân hàng thương mại khác nhau.

## Tổng quan nghiên cứu trước đây

Nguyễn Thị Thanh Bình và cộng sự (2021) nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại với mẫu quan sát bao gồm 24 ngân hàng thương mại niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2017-2020 và sử dụng hồi quy OLS. Kết quả nghiên cứu chỉ ra quy mô ngân hàng và tỷ lệ cho vay trên tiền gửi khách hàng tác động cùng chiều, tỷ lệ chi phí hoạt động và tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản tác động ngược chiều đến tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA). Theo nhóm tác giả, nghiên cứu này cũng như các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam chưa thực hiện nghiên cứu trên góc độ các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại trong từng nhóm ngân hàng có đặc trưng khác nhau,



**BẢNG 1: BIẾN NGHIÊN CỨU**

Tên biến	Diễn giải	Dấu kỳ vọng
ROA	Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản	
ROE	Lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu	
ETA	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	+
NPL	Chi phí trích lập dự phòng rủi ro/Tổng cho vay	-
SIZE	Ln (Tổng tài sản)	+
CIR	Chi phí hoạt động/Thu nhập	-
NITR	Thu nhập ngoài lãi/Thu nhập	+
DTA	Tổng tiền gửi/Tổng tài sản	-
LTA	Tổng cho vay/Tổng tài sản	+
RGDP	Tốc độ tăng trưởng GDP thực	-
POLICY RATE	Lãi suất tái cấp vốn	+
CONCEN	Tổng tài sản của 5 ngân hàng lớn nhất/Tổng tài sản của các ngân hàng	+

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

**BẢNG 2: THỐNG KÊ MÔ TẢ**

Biến nghiên cứu	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
ROA	0,00695	0,00607	0,00588
ROE	0,06175	0,04286	0,06137
SIZE	18,43246	18,43011	1,19386
ETA	0,24828	0,09431	0,29923
RGDP	0,06292	0,06235	0,00594
POLICY RATE	0,078	0,065	0,02621
NPL	0,03399	0,01054	0,38373
CIR	0,07860	0,02820	0,26637
LTA	0,55861	0,56677	0,14894
DTA	0,72429	0,75339	0,18462
NITR	0,01802	0,00910	0,08116
CONCEN	0,62609	0,05508	0,02771

Nguồn: Xử lý từ Stata

cụ thể là các nhóm ngân hàng có khả năng sinh lợi khác nhau.

Elekdag và cộng sự (2020) nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động trong từng nhóm ngân hàng thương mại có khả năng sinh lợi khác nhau tại các quốc gia Châu Âu trong giai đoạn quan sát 2007-2016 và sử dụng cách tiếp cận phân phối khả năng sinh lợi có điều kiện. Kết quả nghiên cứu chỉ ra 2 nhân tố đáng tin cậy nhất tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại đó

là tốc độ tăng trưởng GDP thực và tỷ lệ nợ xấu. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ thực hiện trên nhóm các quốc gia đã phát triển có đặc trưng khác biệt so với nhóm quốc gia tiền mới nổi, chẳng hạn như Việt Nam. Nghiên cứu này cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm mới tại một địa điểm nghiên cứu có đặc trưng khác biệt so với Elekdag và cộng sự (2020) và sử dụng cách tiếp cận hồi quy phân vị.

### Phương pháp nghiên cứu

#### Biến nghiên cứu

Nhóm tác giả dựa trên nghiên cứu của Elekdag và cộng sự (2020) xây dựng mô hình nghiên cứu bao gồm những biến nghiên cứu như Bảng 1.

#### Dữ liệu nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng mẫu quan sát bao gồm 30 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn quan sát 2010-2019. Nhóm tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các ngân hàng thương mại và từ Tổ chức Thống kê tài chính quốc tế (IFS-IMF) đối với dữ liệu Tốc độ tăng trưởng GDP thực và lãi suất tái cấp vốn.

#### Phương pháp nghiên cứu

Kết quả hồi quy phân vị cho thấy, các tác động khác nhau của biến độc lập đối với biến phụ thuộc ở các phân vị theo biến phụ thuộc khác nhau. Hồi quy phân vị phù hợp để phân tích mô hình hồi quy với phương sai thay đổi hoặc nghiên cứu các mẫu dữ liệu trong đó hàm phân phối của biến phụ thuộc không đối xứng xung quanh giá trị trung bình.

#### Kết quả nghiên cứu

Qua Bảng 2, cho thấy, ROA của các ngân hàng thương mại vào khoảng 0,7% và ROE vào khoảng 6,18%. Vốn chủ sở hữu chiếm khoảng 24,83% tổng nguồn vốn; Chi phí trích lập dự phòng vào khoảng 3,4%; Tổng tiền gửi chiếm khoảng 72,43% tổng tài sản; Tổng cho vay chiếm khoảng 55,86% tổng tài sản.

Nhóm tác giả nhận thấy tương quan giữa các biến độc lập thấp hơn 0,8, vì vậy không xảy ra đa cộng tuyến nghiêm trọng ảnh hưởng đến kết quả hồi quy.

POLICY RATE tác động cùng chiều và có ý nghĩa trên tất cả các phân vị ở mức 1% và 5%. Khi lãi suất chính sách gia tăng, các ngân hàng thương





BẢNG 3: MA TRẬN HỆ SỐ TƯƠNG QUAN

	ROA	ROE	SIZE	ETA	RGDP	POLICY RATE	NPL	CIR	LTA	DTA	NITR	CONCEN
ROA	1,0000											
ROE	0,5820 0,0000	1,0000										
SIZE	-0,0233 0,6915	0,1474 0,0117	1,0000									
ETA	0,1212 0,0384	-0,4611 0,0000	0,0081 0,8896	1,0000								
RGDP	0,0015 0,9798	0,1175 0,0448	0,2467 0,0000	-0,0038 0,9488	1,0000							
POLICY RATE	0,3278 0,0000	0,1806 0,0019	-0,2379 0,0000	-0,0053 0,9282	-0,2790 0,0000	1,0000						
NPL	-0,0551 0,3494	-0,0383 0,5149	0,0041 0,9438	-0,0382 0,5153	-0,0064 0,9133	0,1605 0,0059	1,0000					
CIR	-0,2452 0,0000	-0,1949 0,0008	-0,1010 0,0856	-0,0112 0,8497	-0,0775 0,1875	-0,0498 0,3971	-0,0083 0,8881	1,0000				
LTA	0,0472 0,4225	0,0864 0,1414	0,2434 0,0000	-0,184 0,7538	0,2723 0,0000	-0,1802 0,0020	-0,2218 0,0001	-0,0342 0,5616	1,0000			
DTA	-0,3216 0,0000	0,1121 0,0558	0,2325 0,0001	-0,3660 0,0000	0,1346 0,0209	-0,3105 0,0000	-0,1226 0,0359	0,0299 0,6116	0,3683 0,0000	1,0000		
NITR	-0,1393 0,0175	-0,0985 0,0934	0,0110 0,8511	-0,0077 0,8957	0,0279 0,6351	-0,0750 0,2020	-0,0142 0,8091	0,6037 0,0000	-0,0137 0,8166	0,0717 0,2225	1,0000	
CONCEN	-0,1384 0,0180	0,0253 0,6666	0,3386 0,0000	0,0014 0,9816	0,7814 0,0000	-0,5986 0,0000	-0,0593 0,3117	-0,0288 0,6250	0,3049 0,0000	0,2311 0,0001	0,0341 0,5628	1,0000

Nguồn: Xử lý từ Stata

BẢNG 4: KẾT QUẢ HỒI QUY ĐỐI VỚI BIẾN PHỤ THUỘC LÀ ROA

VARIABLES	OLS	Quantile regressions		
		(1)	(2)	(3)
		25th	50th	75th
SIZE	0,00023 (0,85)	0,00016 (0,64)	0,00039 (1,35)	0,00047 (1,45)
ETA	-0,00001 (-0,13)	0,00157 (0,93)	0,00112 (0,61)	-0,00115 (-0,56)
RGDP	0,07211 (0,81)	-0,00369 (-0,04)	0,04432 (0,41)	0,07123 (0,59)
<b>Policy</b>				
rate	0,00063*** (3,86)	0,00063*** (3,47)	0,00072*** (3,81)	0,00086** (2,47)
NPL	-0,00162** (-1,98)	-0,00086 (-0,03)	-0,00147 (-0,03)	-0,00235 (-0,03)
CIR	-0,00005*** (-3,58)	-0,00008 (-1,29)	-0,00005 (-0,67)	-0,00004 (-0,57)
LTA	0,00653*** (2,77)	0,00265 (1,54)	0,00547 (1,51)	0,00909 (1,64)
DTA	-0,01025*** (-5,02)	-0,00147 (-0,41)	-0,0057 (-1,15)	-0,01479** (-2,16)
NITR	0,00003 (0,7)	0,00005 (0,48)	-0,00005 (-0,36)	-0,00009 (-0,82)
CONCEN	-0,00566 (-0,24)	0,00159 (0,07)	-0,01217 (-0,38)	-0,00192 (-0,06)
Observations	290	290	290	290

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* hệ số có ý nghĩa thống kê lần lượt tại mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%

Nguồn: Xử lý từ Stata

mại có thể gia tăng khả năng sinh lợi thông qua cải thiện biên thu nhập (chênh lệch giữa lãi suất tiền gửi và lãi suất kiếm được thông qua cho vay và các khoản đầu tư khác).

NPL tác động ngược chiều và có ý nghĩa ở mức 5%. Khi nợ xấu gia tăng thì ngân hàng phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro nên làm giảm khả năng sinh lợi của ngân hàng. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành (2015).

CIR tác động ngược chiều và có ý nghĩa ở mức 1%. Các ngân hàng quản lý chi phí tốt hơn sẽ đạt được khả năng sinh lợi cao hơn. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Athanasoglou và cộng sự (2008).

LTA tác động cùng chiều và có ý nghĩa ở mức 1%. Khi các ngân hàng gia tăng hoạt động truyền thống cho vay giúp cho ngân hàng gia tăng khả năng sinh lợi. Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành (2015).

DTA tác động ngược chiều và có ý nghĩa ở mức 1%, cũng như có ý nghĩa đối với phân vị 75% ở mức ý nghĩa 5%.

Các biến POLICY RATE, NPL, CIR, LTA tác động có ý nghĩa thống kê đến ROA và ROE phù hợp với dấu kỳ vọng của nhóm tác giả. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả có độ tin cậy cao. Bên cạnh đó, cũng có 2 yếu tố có tác động đến ROE của ngân hàng.

SIZE tác động cùng chiều và có ý nghĩa ở mức 1%. Các ngân hàng lớn hơn có khả năng sinh lợi cao hơn. Các ngân hàng lớn có lợi thế về sản phẩm và hình thức cho vay đa dạng, khả năng

**BẢNG 5: KẾT QUẢ HỒI QUY ĐỐI VỚI BIẾN PHỤ THUỘC LÀ ROE**

VARIABLES	OLS	Quantile regressions			
		(1)	(2)	(3)	(4)
			25th	50th	75th
<b>SIZE</b>	0,00837*** (3,08)	0,00104 (0,56)	0,00361 (1,08)	0,01411*** (3,21)	
<b>ETA</b>	-0,1026*** (-9,39)	-0,04402*** (-5,05)	-0,07779*** (-6,77)	-0,11266*** (-5,85)	
<b>RGDP</b>	0,94474 (1,08)	0,00662 (0,02)	0,11783 (0,17)	1,37207* (1,71)	
<b>Policy rate</b>	0,00626*** (3,93)	0,00222*** (3,69)	0,005*** (3,10)	0,00591 (1,35)	
<b>NPL</b>	-0,015* (-1,87)	-0,00139 (0,00)	-0,00824 (-0,02)	-0,02156 (-0,05)	
<b>CIR</b>	-0,00039*** (-2,75)	-0,00067 (-1,58)	-0,00053 (-1,21)	-0,00025 (-0,53)	
<b>LTA</b>	0,02803 (1,21)	0,04196*** (2,61)	0,04701** (2,02)	0,01525 (0,31)	
<b>DTA</b>	-0,02824 (-1,41)	-0,00207 (-0,14)	-0,00156 (-0,05)	-0,04027 (-0,66)	
<b>NITR</b>	0,00015 (0,32)	-0,00006 (-0,05)	-0,0011 (-1,01)	-0,00184 (-0,93)	
<b>CONCEN</b>	0,12753 (0,55)	0,0324 (0,36)	0,15641 (0,87)	-0,11245 (-0,45)	
<b>Observations</b>	290	290	290	290	

Ghi chú: \*\*, \*\*\* hệ số có ý nghĩa thống kê lần lượt tại mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%

Nguồn: Xử lý từ Stata

tiếp cận nhiều nguồn khách hàng, dễ dàng huy động vốn để đáp ứng hoạt động cho vay và các khoản đầu tư khác. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với nhóm các ngân hàng có khả năng sinh lợi lớn.

ETA tác động ngược chiều và có ý nghĩa ở mức 1% cho tất cả các phân vị. Điều này không phù hợp với giả thuyết của nhóm tác giả. Các ngân hàng có nguồn vốn chủ sở hữu lớn thường tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến đề xuất và giám sát chất lượng tín dụng không chặt chẽ dẫn đến làm sụt giảm khả năng sinh lợi của các ngân hàng.

**Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, lãi suất tái cấp vốn, vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn và tổng cho vay/tổng tài sản tác động đến hiệu quả hoạt động của bất kỳ nhóm ngân hàng thương mại nào. Tuy nhiên, quy mô ngân hàng, tổng tiền gửi/tổng tài sản và tốc độ tăng trưởng kinh tế thực chỉ tác động đến hiệu quả hoạt động của nhóm ngân hàng thương mại có khả năng

sinh lợi cao. Chi phí trích lập dự phòng rủi ro/Tổng cho vay và Chi phí hoạt động/Thu nhập có tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại chỉ ở góc độ hồi quy tính theo giá trị trung bình nhưng lại không có ý nghĩa thống kê khi xem xét ở góc độ hồi quy phân vị. Thu nhập ngoài lãi/Thu nhập và Tổng tài sản của 5 ngân hàng lớn nhất/Tổng tài sản của các ngân hàng không có tác động có ý nghĩa thống kê đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại.

**Hàm ý chính sách**

*Thứ nhất*, ngân hàng thương mại cần xây dựng và hoàn thiện các chiến lược phát triển trong dài hạn, nâng cao quy mô của ngân hàng, đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, điều chỉnh các hoạt động kinh doanh để thích ứng với điều kiện mới, cũng như tối ưu hóa chi phí vận hành của ngân hàng. Tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển dựa trên ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động của ngân hàng.

*Thứ hai*, Chính phủ cần có các biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật để tạo hành lang pháp lý có hiệu lực, tạo sự minh bạch, rõ ràng trong các quy định.

*Thứ ba*, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của các ngân hàng thương mại. Điều hành linh hoạt, ổn định thị trường tiền tệ phù hợp với nền kinh tế Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động của các ngân hàng thương mại định kỳ.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Thùy Dương, Phạm Thị Hồng Quyên (2021), Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại giai đoạn 2017-2020. Tạp chí Tài chính, 766: trang 73-75;
2. Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cảnh (2015), Đa dạng hoá thu nhập và các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, 106&107: trang 13-23;
3. Athanasoglou, P.P., Brissimis, S.N. & Delis, M.D. (2008), Bank-specific, industry-specific and macroeconomic determinants of bank profitability. Journal of International Financial Markets, Institutions and Money 18(2): pp. 121-136;
4. Elekdag, S., Malik, S. & Mitra, S. (2020), Breaking the Bank? A Probabilistic Assessment of Euro Area Bank Profitability. Journal of Banking & Finance 120: pp. 1-16.

**Thông tin tác giả:**

ThS. Vũ Trọng Hiến, ThS. Nguyễn Thị Kiều Nga,  
ThS. Trương Công Hậu - Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh  
Email: vutronghien@iuh.edu.vn, nguyenthikieunga@iuh.edu.vn,  
truongconghau@iuh.edu.vn